

Khu BTTN Na Hang

Tên khác

Tát Kê-Bản Bung

Tỉnh

Tuyên Quang

Tình trạng

Quyết định của tỉnh

Ban quản lí được thành lập

Có

Vĩ độ

22°16' - 22°31' vĩ độ Bắc

Kinh độ

105°22' - 105°29' kinh độ Đông

Vùng địa lí sinh học

06a - Nhiệt đới nam Trung Hoa



Tình trạng bảo tồn

Quần thể Voọc mũi hếch *Pygathrix avunculus* được xếp vào nhóm các loài đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu, năm 1992 đã được tìm thấy lại ở huyện Na Hang; trước đây người ta tin rằng loài Voọc đặc hữu này đã bị tuyệt chủng trên toàn cầu (Boonratana 1998). Nhờ kết quả của phát hiện này, mà các nghiên cứu khả thi nhằm thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang đã được tiến hành vào tháng 4 năm 1994 với sự tham gia của Hiệp hội về các Loài Hoang dã Quốc gia, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới, Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên trong khuôn khổ chương trình các loài bị đe dọa ở Châu á (The National Wildlife Federation/ IUCN/WWF Programme for Endangered Species in Asia), cùng hợp tác với Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hà Nội (Cox 1994). Từ kết quả nghiên cứu khả thi các nhà khoa học đã đề xuất thành lập khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích 21.725 ha, bao gồm khu vực Tát Kê ở phía bắc có diện tích 9.975 ha, và khu vực Bản Bung ở phía nam có diện tích 11.750 ha.

Tuy nhiên, vấn đề là, vào thời điểm trước khi công bố nghiên cứu khả thi thì dự án đầu tư của khu bảo tồn đã được soạn thảo. Dự án đầu tư

được hoàn thành vào tháng 10 năm 1993, đề nghị thành lập khu bảo tồn thiên có diện tích 41.930 ha, trong đó phân khu bảo vệ nghiêm ngặt chiếm 27.520 ha, phân khu phục hồi sinh thái rộng 12.910 ha, và khu hành chính dịch vụ chiếm 1.500 ha. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt chia thành hai khu tách biệt: Khu Tát Kê rộng 12.500 ha, và khu Bản Bung với diện tích 15.000 ha (Anon. 1993). Theo dự án đầu tư (Anon. 1993), thì các phân khu phục hồi sinh thái và hành chính dịch vụ nằm trong ranh giới khu bảo tồn, tuy vậy, theo nguồn tin từ UNDP (1995), các khu trên được quy hoạch cho vùng đệm rộng 14.410 ha, và diện tích khu bảo tồn thiên nhiên chỉ có 27.520 ha. Theo Boonratana (1998) thì nguồn tài liệu của UNDP (1995) cho ta chính xác hơn về diện tích của khu bảo tồn thiên nhiên, bao gồm hai khu vực Tát Kê và Bản Bung.

Dự án đầu tư đã được Bộ Lâm nghiệp (trước đây) phê chuẩn ngày 16/4/1994 theo quyết định số 849/KH, và khu bảo tồn thiên nhiên đã được UBND tỉnh Tuyên Quang ra quyết định thành lập số 274/UB-QĐ ngày 9/5/1994 (Anon. 1993). Sau đó ban quản lí khu bảo tồn cũng đã được thành lập. Khu bảo tồn hiện vẫn chưa có quyết định phê chuẩn của Chính phủ, tuy nhiên, khu này đã có trong danh lục đề xuất các khu rừng đặc dụng của Việt Nam đến năm 2010 với diện tích 41.930 ha,

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Na Hang

với tên gọi là Khu Tát Kẽ - Bản Bung (Cục Kiểm Lâm 1998).

Địa hình và thủy văn

Cả hai phân khu Tát Kẽ và Bản Bung có địa hình dốc, với các dãy núi đá vôi gồ ghề, và các bãi phù sa xâm lấn trong thung lũng dọc theo các con sông. Tại cả hai khu vực này đều có dạng cát-tơ đáng chú ý với các hệ thống hang động rộng khắp. Phần lớn diện tích khu bảo tồn thiên nhiên có độ cao trong khoảng 300 m và 800 m. Cao nhất phân khu Tát Kẽ là đỉnh núi Loung Nioung, cao 1.067 m, trong khi đó ở Bản Bung thì đỉnh cao nhất là Núi Pia Cao, cao 980 m.

Có hai hệ thống sông chính trong khu bảo tồn. Sông Năng chảy về phía nam qua khu Tát Kẽ, sau đó đổ vào sông Gâm. Sông Gâm làm thành ranh giới phía tây của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt trước khi chảy về phía nam và gặp sông Lô, sông Lô đổ vào sông Hồng tại thành phố Việt Trì.

Đa dạng sinh học

Theo Cox (1994), có khoảng 68% diện tích khu bảo tồn thiên nhiên đề xuất là rừng ẩm nhiệt đới vẫn còn ở tình trạng nguyên sinh hoặc chỉ thay đổi chút ít bởi sự tác động của các cộng đồng địa phương. Có khoảng 70% thảm thực vật tự nhiên của khu vực này là rừng trên núi đá vôi, tuy nhiên còn có các vùng nhỏ của các kiểu phụ rừng thường xanh trên đất thấp và rừng thường xanh trên núi thấp. Có trên 2.000 loài thực vật đã được xác định ở khu bảo tồn này (McNab *et al.* 2000), trong đó có nhiều loài được ghi trong *Sách đỏ Việt Nam* như trai *Garcinia fragraeoides*, mun *Diospyrus mollis*, mỗ *Manglieta fordiana* và đỉnh *Markhamia stipulata* (Hill và Hallam 1997).

Khu hệ động vật của khu đề xuất bảo tồn chưa biết một cách đầy đủ, tuy nhiên đã ghi nhận được 90 loài thú, 247 loài chim, 61 loài bò sát và 20 loài ếch nhái, đây là số liệu thể hiện khá chính xác tính đa dạng sinh học của vùng (Boonratana 1998). Khu hệ thú có 13 loài ghi trong sách đỏ Việt Nam. Tuy nhiên, theo Boonratana (1998) tình trạng loài Vượn đen *Hylobates concolor* ở khu bảo

tồn rất đáng nghi ngờ có thể loài này chưa bao giờ tồn tại ở khu bảo tồn này.

Na Hang có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc bảo tồn các loài linh trưởng đang bị đe dọa trên toàn cầu. Khu bảo tồn này là một trong số ít các khu bảo vệ ở Việt Nam có loài Voọc mũi hếch sinh sống, và tại đây có khả năng còn lại quần thể lớn nhất. Theo ước tính hiện nay số lượng quần thể voọc mũi hếch ở Na Hang ít nhất là từ 111 con (Đặng Ngọc Cần và Nguyễn Trường Sơn 1999) đến 191 con (Lê Hồng Bình, theo trích dẫn của Đặng Ngọc Cần và Nguyễn Trường Sơn 1999). Tuy nhiên, quần thể Voọc mũi hếch ở Na Hang bị chia thành hai quần thể nhỏ, mỗi quần thể ở một khu vực thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt. Cùng với Voọc mũi hếch, ở khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang còn có loài Voọc má trắng *Semnopithecus francoisi francoisi* (Boonratana 1998).

Các vấn đề về bảo tồn

Mối đe dọa chính đối với khu bảo tồn Na Hang là sự xâm nhập của các cộng đồng địa phương vào trong khu bảo tồn. Tập quán du canh, du cư và khai thác quá mức các sản phẩm rừng đã tạo nên những mối đe dọa lâu dài đối với các sinh cảnh rừng tự nhiên. Tuy nhiên, mối đe dọa nghiêm trọng hơn đối với quần thể Voọc mũi hếch và các loài thú khác đang bị đe dọa trên toàn cầu trong khu bảo tồn này là hiện tượng săn bắn trái phép. ở miền Bắc Việt Nam, xương của các loài linh trưởng được người dân sử dụng để nấu cao (Đặng Ngọc Cần và Nguyễn Trường Sơn 1999).

Dự án quốc gia đề xuất xây dựng đập thủy điện sông Gâm sẽ làm ngập úng 220 ha diện tích khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang là những ý tưởng đi ngược lại với mục tiêu bảo vệ loài Voọc mũi hếch và các loài bị đe dọa mang tính toàn cầu khác. Trong năm 2000, Scott Wilson Asia - Pacific Ltd đã tiến hành đánh giá tác động môi trường với hai nhân tố: mất môi trường sống và quan trọng hơn là gia tăng tác động có thể gây nguy hiểm đến quần thể nhỏ của Voọc mũi hếch và Voọc má trắng còn lại nơi đây (McNab *et al.* 2000).

Các giá trị khác

Phần lớn rừng của Na Hang phân bố trên các sườn đồi, và đây là vùng rất dễ bị xói mòn. Tại một vài nơi trong khu bảo tồn hiện tượng mất rừng đã để lộ ra những khoảnh đất trống với nhiều rãnh do bị nước bào mòn sâu (Cox 1994). Do đó rừng ở khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn hiện tượng xói mòn đất và duy trì cung cấp nước cho các cộng đồng dân cư sinh sống ở các khu vực hạ lưu.

Các dự án có liên quan

Dự án bảo tồn lớn nhất hiện đang được thực hiện tại đây là dự án *Bảo tồn tài nguyên các khu bảo vệ thông qua việc tiếp cận bảo tồn sinh thái cảnh quan* (gọi tắt là dự án *PARC*). Văn kiện dự án (VIE/95/G31) đã được ký kết vào ngày 20/11/1998, và bắt đầu được triển khai vào giữa năm 1999. Nguồn tài trợ chính cho dự án do Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) cấp. Na Hang chỉ là một trong ba vùng có dự án, các vùng khác là Vườn Quốc gia Yok Đôn và Ba Bể. Tại Na Hang và Ba Bể, cơ quan thực thi hợp đồng phụ là Scott Wilson Asia - Pacific Ltd. Mục đích của dự án là sử dụng sinh thái cảnh quan để tiếp cận với công tác bảo tồn.

Bên cạnh dự án *PARC*, còn có dự án bảo tồn Voọc mũi hếch (gọi tắt là dự án *TCP*) hiện đang được Vườn Động vật Allwetter Zoo và Hội Động vật Bảo tồn các Quần thể và Loài tiến hành tại Na Hang. Dự án này đã triển khai từ tháng 12/1997, với mục đích bảo vệ và phục hồi rừng và quần thể của các loài thú, đặc biệt là quần thể Voọc mũi hếch ở Na Hang (Allwetter Zoo và ZSCSP 2000).

Tài liệu tham khảo

Allwetter Zoo and ZSCSP (2000) Tonkin Snub-nosed Monkey conservation project, Na Hang Nature Reserve, northern Vietnam. Hanoi: Allwetter Zoo and Zoological Society for the Conservation of Species and Populations.

Anon. (1993) [Investment plan for Tat Ke-Ban Bung Nature Reserve, Tuyen Quang province].

Tuyen Quang: Tuyen Quang Provincial People's Committee. In Vietnamese.

Anon. (1994) [Report on forest resources and planning at Na Hang (Tonkin Snub-nosed Monkey) Nature Reserve: summary report]. Hanoi: IUCN, WWF, the Forest Inventory and Planning Institute and the Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Anon. (undated) Some informations on the Tat Ke-Ban Bung (Na Hang) Nature Reserve. Unpublished report.

Boonratana, R. (1998) Na Hang Rainforest Conservation Project. Hanoi: Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Boonratana, R. (1998) [Na Hang Rainforest Conservation Project]. Hanoi: Fauna and Flora International-Indochina Programme. In Vietnamese.

Boonratana, R. and Le Xuan Canh (1998) Conservation of Tonkin Snub-nosed Monkeys *Rhinopithecus [Presbytiscus] avunculus* in Vietnam. Pp 315-321 in: N. G. Jablonski ed. (1998) The natural history of the doucs and snub-nosed monkeys. Singapore: World Scientific Publishing.

Boonratana, R. and Le Xuan Canh (1998) Preliminary observations of the ecology and behavior of the Tonkin Snub-nosed Monkey *Rhinopithecus [Presbytiscus] avunculus* in northern Vietnam. Pp 207-215 in: N. G. Jablonski ed. (1998) The natural history of the doucs and snub-nosed monkeys. Singapore: World Scientific Publishing.

Cox, C. R. (1994) A management feasibility study of the proposed Na Hang (Tonkin Snub-nosed Monkey) Nature Reserve, Tuyen Quang province, Vietnam. Gland and Cambridge, U.K.: IUCN Species Survival Commission.

Cox, C. R., Vu Van Dung, Pham Mong Giao and Le Xuan Canh (1994) Management feasibility study of the Na Hang Nature Reserve. Hanoi: IUCN, WWF, the Forest Inventory and Planning Institute and the Institute of Ecology and Biological Resources.

CRES (1997) Study on socio-economic root causes of biodiversity loss in two distinct eco-regions of Vietnam: case studies of Ba Be National Park and Na Hang Nature Reserve in the mountainous north and Yok Don National Park in the Central Highlands. Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies.

CRES (1997) [Study on socio-economic root causes of biodiversity loss in two distinct eco-regions of Vietnam: case studies of Ba Be National Park and Na Hang Nature Reserve in the mountainous north and Yok Don National Park in the Central Highlands]. Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies. In Vietnamese.

Dang Huy Huynh, Hoang Minh Khiem and Le Xuan Canh (1995) A study of the structure of animal diversity in Tuyen Quang province and measures for its conservation and sustainable development. Pp 356-362 in: Dang Huy Huynh, Nguyen Tien Ban, Vu Quang Con, Nguyen Thi Le, Pham Van Luc, Tran Dinh Ly, La Dinh Moi and Cao Van Sung eds. [Results of research by IEBR] Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Dang Ngoc Can and Nguyen Truong Son (1999) Field report of survey on Tonkin Snub-nosed Monkey *Rhinopithecus avunculus* in Bac Can, Thai Nguyen and Tuyen Quang provinces (October and November 1999). Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources and the Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Do Quang Tung (1999) [Features of Vietnam's PARC project: VIE/95/G31]. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review] May 1999: 17-18. In Vietnamese.

Hill, M. and Hallam, D. (1997) Na Hang Nature Reserve. Part 2: Tat Ke Sector: biodiversity survey 1996. London: Society for Environmental Exploration.

Hill, M. and Kemp, N. (1996) [Biological survey of Na Hang Nature Reserve, Tuyen Quang province, Vietnam: Part 1, Bang Bung sector]. London: Society for Environmental Exploration. In Vietnamese.

Hill, M. and Kemp, N. (1996) Biological survey of Na Hang Nature Reserve, Tuyen Quang province, Vietnam: Part 1, Ban Bung sector. London: Society for Environmental Exploration.

Hill, M. J. and Monastyrskii, A. L. (1998) Butterfly fauna of protected areas in north and central Vietnam collections 1994-1997. *Atalanta* 29: 185-208.

Le Xuan Canh (1994) New information about the Tonkin Snub-nosed Monkey *Rhinopithecus avunculus* in Na Hang forest. Paper presented at a seminar on the Tonkin Snub-nosed Monkey held at the Ministry of Forestry, Hanoi, 29 April 1994.

Le Xuan Canh, Dang Huy Huynh, Hoang Minh Khiem and Boonratana, R. (1995) Conservation research for the rehabilitation and sustainable development of precious animal gene pool in the Na Hang forest, Tuyen Quang. Pp 184-190 in: Dang Huy Huynh, Nguyen Tien Ban, Vu Quang Con, Nguyen Thi Le, Pham Van Luc, Tran Dinh Ly, La Dinh Moi and Cao Van Sung eds. [Results of research by IEBR] Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

McNab, A., Vo Tri Chung and Nguyen Huu Hong (2000) River Gam dam preliminary environmental impact assessment. Hanoi: Scott Wilson, Asia-Pacific Ltd.

Ren, R. M., Kirkpatrick, R. C., Jablonski, N. G., Bleisch, W. V. and Le Xuan Canh (1997) Conservation status and prospects for the snub-nosed langurs (Colobinae: *Rhinopithecus*). *Primate Conservation* 17: 152-159.

Tran Sa (1998) The human-hearted monkey. *Vietnam Cultural Window* 9: 14-15.

Tuyen Quang Provincial FPD (2000) [FPD questionnaire]. Tuyen Quang: Tuyen Quang Provincial Forest Protection Department. In Vietnamese.

UNDP (1995) Creating protected areas for resource conservation using landscape ecology (PARC). Hanoi: UNDP.

Wirth, R. (1992) Tonkin Snub-nosed Monkey
Rhinopithecus avunculus rediscovered. Asian
Primates 2: 1-2.